

HỘI NGHỊ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TP.HCM
THÁNG 12/2016

**Sử dụng phương pháp đánh dấu huỳnh quang
khảo sát hiệu quả công tác làm sạch các vị trí
tiếp xúc thường xuyên tại phòng bệnh, phòng
thủ thuật, phòng hồi sức,
Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM**

KS. Nguyễn Thị Hồng Vân
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định tỷ lệ đạt yêu cầu làm sạch bằng phương pháp đánh dấu huỳnh quang tại các vị trí được chạm thường xuyên ở các phòng bệnh, phòng thủ thuật, và phòng hồi sức, BVĐHYD TP.HCM
- So sánh chất lượng làm sạch giữa đánh giá bằng huỳnh quang và đánh giá bằng mắt thường với bảng kiểm trực quan

1. ĐẶT VẤN ĐỀ (1)

Ý NGHĨA của GIÁM SÁT CÔNG TÁC LÀM SẠCH là góp phần làm giảm nhiễm khuẩn bệnh viện (CDC, 2010)

Vi :

bề mặt môi trường là một trong những mắc xích của phương thức lây truyền mầm bệnh

Mà:

1. Bề mặt "NHÌN THẤY" sạch KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ BỀ MẶT ĐÓ SẠCH
2. Tiêu chuẩn "sạch" của BỆNH VIỆN và tiêu chuẩn "sạch" của KHÁCH SẠN chắc chắn phải có sự khác biệt rõ ràng

(CDC, 2010, "Option for Evaluating Environmental Cleaning", Level II, Appendix B - Objective Methods for Evaluating Environmental Hygiene)

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU (1)

(theo hướng dẫn của CDC)

❖ Vị trí tiếp xúc thường xuyên – HIGH TOUCH, được lựa chọn dựa trên các yếu tố sau:

1. Có cơ sở thông tin thể hiện sự ô nhiễm của các bề mặt này liên quan đến các tác nhân gây bệnh trong cơ sở y tế
2. Khả năng bề mặt được chạm khi nhân viên y tế chăm sóc thường xuyên mà không thay đổi găng tay hoặc thực hiện vệ sinh tay

(CDC, 2010, "Option for Evaluating Environmental Cleaning", Level II, Appendix B - Objective Methods for Evaluating Environmental Hygiene)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ (2)

Bên cạnh đó, các phương pháp giám sát hiện đang áp dụng có một số VẤN ĐỀ TỒN TẠI như sau:

1. **Bảng kiểm trực quan:** không đủ chính xác độ không nhất quán vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác
2. **Đánh giá vi sinh:** khó thực hiện, chi phí cao, không thể đọc kết quả ngay lập tức
3. **Nguồn nhân lực:** nhân sự và thời gian giám sát bị hạn chế

(CDC, 2010, "Option for Evaluating Environmental Cleaning", Level II, Appendix B - Objective Methods for Evaluating Environmental Hygiene)

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU (2)

(tại BV ĐHYD TP.HCM)

- Các vị trí thường xuyên tiếp xúc trên xe tiêm, trên máy thở, trong nhà vệ sinh, trong các phòng bệnh, phòng hồi sức và phòng thủ thuật
- Bao gồm 28 vị trí thường xuyên được tiếp xúc, được phân loại thành 05 nhóm như sau:

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU (3)

(tại BV ĐHYD TPHCM)

TT	Nhóm vị trí	Các vị trí cụ thể
1	Trang thiết bị	xe tiêm, máy thở, tivi / monitor
2	Nhà vệ sinh	tay nắm cửa, các thanh vịn, hộp đựng giấy vệ sinh, vòi nước bồn rửa tay, vòi nước của bồn cầu
3	Nhóm I	các thành giường, tay quay điều chỉnh độ cao giường, mặt bên nệm, bàn ăn bệnh nhân, bảng treo hồ sơ, cây treo dịch truyền
4	Nhóm II	nút gọi điều dưỡng, thiết bị hút đàm âm tường, tủ cá nhân, điện thoại bàn
5	Nhóm III	ghế xếp, công tắc đèn, tay nắm cửa

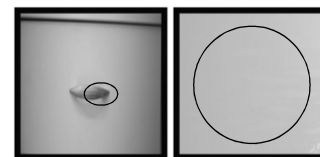
3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (3)

3.1. Mô tả cách thức đánh giá

– Phân đoạn 1 - TIỀN HÀNH ĐÁNH DẤU: Bôi dung dịch huỳnh quang lên tất cả các vị trí cần kiểm tra



ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG



BỀ MẶT SAU ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG
- Dưới ánh sáng trắng
- Bề mặt không có biểu hiện phát quang

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (1)

• Thiết kế mù đơn:

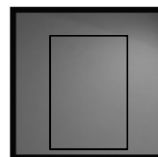
chỉ có nhân viên giám sát biết vị trí nào được đánh dấu huỳnh quang trước đó, nhân viên thực hiện vệ sinh không được biết

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (4)

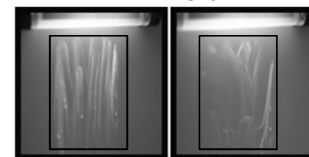
3.1. Mô tả cách thức đánh giá

– Phân đoạn 2 – TIỀN HÀNH ĐÁNH GIÁ: sử dụng đèn cực tím để soi các bề mặt và đánh giá Có/Không phát hiện dấu huỳnh quang phát sáng

BỀ MẶT BẰNG PHẪNG
- Dưới ánh sáng cực tím -



“SẠCH”



“KHÔNG SẠCH”

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (2)

1. TIỀN HÀNH ĐÁNH DẤU

(chuẩn bị gel huỳnh quang và check list)

- Chọn vị trí
- Chọn thời điểm
- Đánh dấu

2. TIỀN HÀNH ĐÁNH GIÁ

(chuẩn bị đèn cực tím và check list)

- Chọn vị trí
- Tắt đèn phòng
- Soi đèn cực tím
- Đánh giá: có/không phát hiện dấu huỳnh quang

NHÂN VIÊN VỆ SINH THỰC HIỆN LÀM SẠCH

BỀ MẶT “SẠCH”

- Dưới ánh sáng cực tím
- KHÔNG phát hiện dấu huỳnh quang



ĐẠT

- Ánh sáng đồng đều trên toàn bộ bề mặt

BỀ MẶT “KHÔNG SẠCH”

- Dưới ánh sáng cực tím
- CÓ phát hiện dấu huỳnh quang



PHÒNG BỆNH
CÓ sự phát sáng rõ rệt
giữa vị trí có huỳnh quang và vị trí không có huỳnh quang

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (6)

3.3. Tình trạng khi đánh giá

- Kiểm soát bằng “bảng kiểm trực quan” (qua các tiêu chuẩn quan sát bằng mắt thường) trước khi tiến hành đánh giá huỳnh quang : sau khi nhân viên vệ sinh thực hiện công tác vệ sinh khử khuẩn thường quy

BỀ MẶT “KHÔNG SẠCH”

- Dưới ánh sáng cực tím
- CÓ phát hiện dấu huỳnh quang



PHÒNG BỆNH
CÓ sự phát sáng rõ rệt
giữa vị trí có huỳnh quang và vị trí không có huỳnh quang

4. KẾT QUẢ KIỂM TRA TRỰC QUAN

100% các bề mặt “nhìn thấy” sạch

TT	Tình trạng	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bề mặt “nhìn thấy” sạch	883	100%
2	Bề mặt “nhìn thấy” không sạch	0	0

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN (5)

3.2. Tổng hợp và phân tích kết quả:

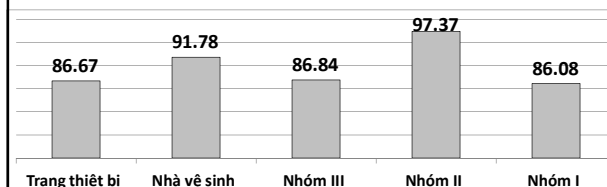
- Áp dụng các tính tỷ lệ % (hay “TDC score” theo CDC):
“TDC score” = Số vị trí đạt / Tổng số vị trí được đánh giá * 100

4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (1)

4.1. Tại Phòng bệnh

1. nhóm trang thiết bị (86,67%),
2. nhóm I (86,08%),
3. nhóm III (86,84%),
4. nhóm Nhà vệ sinh (91,78%),
5. nhóm II (97,37%).

Tỷ lệ bỏ sót:
3% - 15%

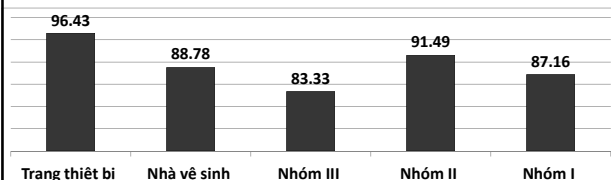


4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (2)

4.2. Tại Phòng Hồi sức

- nhóm III (83,33%),
- nhóm I (87,16%),
- nhóm nhà vệ sinh (88,78%),
- nhóm 2 (91,49%),
- nhóm Trang thiết bị (96,43%).

Tỷ lệ bỏ sót :
4% - 20%



4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (5)

4.5. Nhóm Nhà vệ sinh

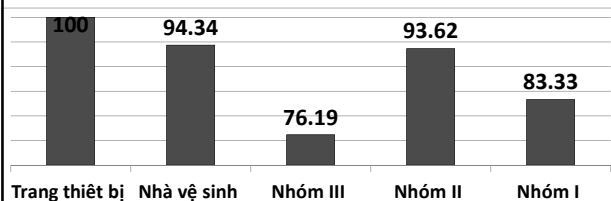
Vị trí cụ thể	Tỷ lệ đạt		
	Phòng bệnh	Phòng hồi sức	Phòng thủ thuật
Cửa - tay nắm	93.33	100.00	100.00
Trong phòng vệ sinh - thanh vịn	92.86	68.42	90.91
Bồn rửa tay - vòi nước sạch	86.67	94.74	90.91
Bồn cầu - vòi nước sạch	100.00	85.00	90.91
Hộp đựng giấy vệ sinh - bề mặt	85.71	95.00	100.00

4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (3)

4.3. Tại Phòng Thủ thuật

- nhóm III (76,19%),
- nhóm I (83,33%),
- Nhóm Nhà vệ sinh (94,34%),
- Nhóm II (93,62%).

Tỷ lệ bỏ sót :
8% - 25%



4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (6)

4.6. Nhóm I

Vị trí cụ thể	Tỷ lệ đạt		
	Phòng bệnh	Phòng hồi sức	Phòng thủ thuật
Giường - thành cuối giường	93.33	100.00	100.00
Giường - tay vịn cạnh bên	100.00	100.00	90.91
Giường - tay quay/nút điều chỉnh độ cao	78.57	68.42	42.86
Nệm - cạnh bên	86.67	100.00	81.82
Bàn ăn bệnh nhân - mặt bàn	87.50	100.00	100.00
Bảng treo hồ sơ - mặt bảng	60.00	68.75	-
Cây treo dịch truyền - thân trên cửa cây	100.00	66.67	100.00

4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (4)

4.4. Nhóm Trang thiết bị

Vị trí cụ thể	Tỷ lệ đạt		
	Phòng bệnh	Phòng hồi sức	Phòng thủ thuật
Xe tiêm - tay đẩy	100.00	100.00	100.00
Xe tiêm - hộc tủ	100.00	100.00	100.00
Xe tiêm - mặt trên	100.00	100.00	100.00
Máy thở - bề mặt	88.89	89.47	100.00
Máy thở - nút điều chỉnh	88.89	100.00	100.00
Tivi / Monitor - nút nguồn	66.67	100.00	100.00

4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (7)

4.7. Các Nhóm II và III

Vị trí cụ thể	Tỷ lệ đạt		
	Phòng bệnh	Phòng hồi sức	Phòng thủ thuật
NHÓM II			
Nút gọi điều dưỡng - mặt nhấn của nút	50.00	50.00	-
Bộ điều chỉnh áp lực hút đờm - nút vặn	93.33	85.00	81.82
Điện thoại - mặt lưng tay cầm ống nghe	100.00	100.00	100.00
Điện thoại - nút bấm số	100.00	100.00	100.00
Tủ cá nhân - mặt trên / Tủ dụng cụ	100.00	92.31	100.00
Tủ cá nhân - tay nắm / Tủ dụng cụ	100	100	85.71
NHÓM III			
Ghế xếp - tay vịn	100.00	100.00	-
Ghế xếp - mặt ngồi	100.00	100.00	-
Công tắc đèn tường - mặt nhấn của công tắc	73.33	65.00	54.55
Tay nắm cửa - phần góc vuông	93.33	100.00	100.00

5. KẾT QUẢ (8)

- 1- Các vị trí “nhìn thấy” sạch bị bỏ sót từ ~ 10% đến 25%
2- Các vị trí “nhìn thấy” sạch bị bỏ sót từ ~ 25% đến 60%

Nhóm vị trí	Vị trí bị bỏ sót		
	Phòng bệnh	Phòng hồi sức	Phòng thủ thuật
Trang thiết bị	Tivi Máy thở	Bề mặt máy thở	
Nhà vệ sinh	Thanh vịn Tay nắm cửa Vòi của bồn rửa tay Hộp giấy vệ sinh	Thanh vịn Vòi nước bồn cầu Vòi của bồn rửa tay Hộp giấy vệ sinh	Thanh vịn Vòi nước bồn cầu Vòi của bồn rửa tay
Nhóm I	Giường Bảng treo HSBA Bàn ăn	Giường Bảng treo HSBA Cây treo dịch truyền	Giường Nệm
Nhóm II	Nút gọi điều dưỡng Thiết bị hút đàm	Nút gọi điều dưỡng Thiết bị hút đàm	Thiết bị hút đàm Tay nắm tủ dụng cụ
Nhóm III	Công tắc đèn Tay nắm cửa	Công tắc đèn	Công tắc đèn

6. KIẾN NGHỊ

GIÁM SÁT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG cần thiết được áp dụng vì các ưu điểm như sau:

1. Khách quan
2. Minh bạch
3. Nhất quán
4. Bằng chứng rõ ràng
5. Chi phí phù hợp

4. KẾT QUẢ ĐÁNH DẤU HUỖNH QUANG (9)

4.8. Mức độ hài lòng của người bệnh trước và sau khi áp dụng phương pháp đánh dấu huỳnh quang

Trước khi áp dụng: 73,9% (2015)
Sau khi áp dụng: 80,3% (2016)

Tăng 6,4%

Tài liệu tham khảo

- APSIC, 2013, “Guidelines for environmental cleaning and decontamination”
- CDC, 2010, “Option for Evaluating Environmental Cleaning”, Level II, Appendix B - Objective Methods for Evaluating Environmental Hygiene)
- Hình ảnh sử dụng được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu

5. KẾT LUẬN

Chất lượng làm sạch được đo lường chính xác, khách quan

tỷ lệ đạt có sự khác biệt rõ rệt giữa hai phương pháp đánh giá:

- Khi nhìn bằng mắt:
 - 100% các vị trí thường xuyên tiếp xúc được “nhìn thấy” sạch
- Khi kiểm tra bằng phương pháp đánh dấu huỳnh quang
 - 40% – 90% các vị trí “nhìn thấy” sạch đạt chất lượng
 - **10% – 60% các vị trí “nhìn thấy” sạch bị bỏ sót**

CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ CHÚ Ý CỦA QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU

CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU
ThS BS. Huỳnh Minh Tuấn, ThS. Nguyễn Vũ Hoàng Yến, CN. Trịnh Thị Thoa,
CN. Phạm Thị Lan, KS. Hà Thị Nhã Ca, Trần Trí Kiên, Trần Thị Thu Hà

THANK YOU FOR YOUR ATTENTION